TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

Số: 298.../VTDK-KHĐT
V/v CBTT Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 16 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí**
   - Mã chứng khoán: PVT
   - Địa chỉ liên hệ: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
   - Điện thoại: (84.28) 39111301 Fax: (84.28) 39111300
   - Email: info@pvtrans.com
2. Nội dung công bố thông tin:

Ngày 15/04/2024, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) đã tổ chức thành công và ban hành Nghị quyết số 01-2024/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ.

3. Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của PVTrans đã được công bố trên trang thông tin điện tử ngày 16../04/2024 tại đường dẫn https://www.pvtrans.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu VT, BTH, KHĐT.

Tài liệu đính kèm:
- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duyên Hiếu

Signature Not Verified
Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
Ký ngày: 16/4/2024 14:28:07

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 -2024/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (Tổng công ty);

Căn cứ Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí số ...-2024/BB-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua những nội dung sau:

1) Báo cáo hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị (HĐQT) *(Phụ lục 01);*

2) Báo cáo hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát *(Phụ lục 02).*

3) Kết quả hoạt động SXKD và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 *(Phụ lục 03).*

4) Kế hoạch SXKD năm 2024 *(Phụ lục 04).*

Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu cần) để phù hợp với tình hình thực tế thị trường nhưng không thấp hơn các chỉ tiêu nêu trên.

5) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 *(Phụ lục 05).*

Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động thực hiện các thủ tục cần thiết để phân phối lợi nhuận và quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức theo quy định.

6) Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 *(Phụ lục 06).*

7) Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 *(Phụ lục 07).*

8) Việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thay

đổi giấy ĐKKD do điều chỉnh ngành nghề kinh doanh *(Phụ lục 08).*

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị Ban hành Điều lệ sửa đổi và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh phù hợp với Điều lệ sửa đổi.

Điều 2. Hội đồng quản trị Tổng công ty có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Cổ đông PVTrans;
- Các TV HĐQT;
- Ban KS, Ban TGĐ;
- Lưu VT, HĐQT Ph(5b).

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Phạm Việt Anh

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01-2024/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024)

Báo cáo hoạt động năm 2023
và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Hội đồng Quản trị
Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

1. Các thành viên Hội đồng quản trị

➢ Hội đồng quản trị (HĐQT) của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí bao gồm 07 thành viên, cụ thể như sau:

1. Ông Phạm Việt Anh – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Duyên Hiếu - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
3. Bà Nguyễn Linh Giang - Thành viên HĐQT
4. Ông Nguyễn Đình Thanh - Thành viên HĐQT
5. Ông Hoàng Đức Chính - Thành viên HĐQT
6. Ông Đoàn Đình Thái - Thành viên HĐQT độc lập
7. Bà Nguyễn Thị Thu Hường - Thành viên HĐQT độc lập

➢ Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí hoạt động theo Điều lệ Tổng công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ và các quy chế khác của Tổng công ty.

2. Hoạt động của HĐQT Tổng công ty

Từ đầu năm 2023, nền kinh tế toàn cầu đã hy vọng khởi sắc khi Covid chính thức bị đẩy lùi, Trung Quốc mở cửa nền kinh tế, các chỉ số tiêu dùng và việc làm các nước được cải thiện. Tuy nhiên, lãi suất và lạm phát tại các nền kinh tế lớn vẫn duy trì ở mức cao, căng thẳng địa chính trị đến từ chiến tranh Nga-Ukraine chưa có hồi kết và xung đột tại dải Gaza leo thang đã gây tác động tiêu cực đến sự tăng trưởng và ổn định của nền kinh tế toàn cầu. Đánh giá chung thì tình hình khó khăn nhiều hơn thuận lợi.

Thị trường vận tải dầu thô tiếp tục biến động bởi bất ổn địa chính trị và mối lo ngại về nguồn cung. Sau khi lập đỉnh vào tháng 06/2022, giá dầu thô đã suy giảm liên tục cho đến giữa năm 2023, sau đó phục hồi ấn tượng lên mức 95 USD/thùng vào cuối tháng 09/2023. Tuy nhiên, xung đột tại dải Gaza và sự suy giảm nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc và Ấn Độ đã giá dầu kéo giá dầu giảm trở lại và dao động quanh mức 80 USD/thùng vào thời điểm cuối năm 2023.

Đối với thị trường trong nước, NMLD Dung Quất đã hoạt động liên tục với hơn 100% công suất để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước. Sau khi dừng hoạt động để bảo dưỡng sửa chữa định kỳ theo kế hoạch từ tháng 8-10/2023, NMLHD Nghi Sơn đã đi vào hoạt động ổn định trở lại và tiếp tục cung cấp mặt hàng xăng dầu cho thị trường. Nhu cầu vận tải xăng dầu và khí trong nước ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động SXKD của PVTrans ở thị trường nội địa.

Trước tình hình đó, HĐQT Tổng công ty đã phát huy triệt để vai trò của mình trong việc định hướng chiến lược, lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, kịp thời ban hành nhiều chủ trương, các giải pháp linh hoạt, đồng bộ, chỉ đạo quyết liệt các vấn đề quan trọng trong hoạt động SXKD như chiến lược phát triển và đầu tư, công tác quản trị, quản lý vốn, công tác nhân sự .... để đạt mục tiêu khai thác tối đa lợi thế, tận dụng các cơ hội để duy trì và nâng cao mức độ tăng trưởng của Tổng công ty trong những năm gần đây.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của HĐQT, Tổng công ty PVTrans đạt được những kết quả sau:

- Hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu về SXKD, cụ thể như sau:

+ Chỉ tiêu doanh thu đạt 10.135,5 tỷ đồng, tương đương 149% kế hoạch năm;

+ Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 1.548,6 tỷ đồng, tương đương 228% kế hoạch năm; Lợi nhuận sau thuế đạt 1.221,5 tỷ đồng, tương đương 227% kế hoạch năm;

+ Chỉ tiêu nộp NSNN đạt 522,3 tỷ đồng, tương đương 176% kế hoạch năm.

+ Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ đạt 47,8%, tương đương 251% kế hoạch năm.

- Bên cạnh việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD, vị thế và uy tín của PVTrans trong ngành dầu khí và vận tải biển được duy trì và củng cố trong năm 2023: PVTrans liên tiếp nằm trong nhóm dẫn đầu của Top 10 Công ty uy tín ngành Logistics các năm 2021-2023 (Vietnam Report); là 1 trong 6 đơn vị Dầu khí được đánh giá thuộc "Bảng xếp hạng VIX50 - Top 50 Công ty Đại chúng uy tín và hiệu quả năm 2023" (Vietnam Report). Cổ phiếu PVT của Tổng công ty cũng lần đầu vào rổ danh mục của chỉ số MSCI Frontier Markets Index (Morgan Stanley Capital International). Đồng thời, PVTrans nhận được nhiều giải thưởng từ các tổ chức có uy tín như: cú đúp giải thưởng của Doanh nghiệp Châu Á – Asia Pacific Enterprise (APEA) năm 2023 với PVTrans tiếp tục được xướng tên ở hạng mục giải thưởng "Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á" (Corporate Excellence Award) và Chủ tịch HĐQT Tổng công ty được trao giải thưởng "Doanh nhân xuất sắc Châu Á" (Master Entrepreneur Award); Top 50 công ty niêm yết tốt nhất năm 2023 do Forbes Việt Nam bình chọn; thăng hạng đáng kể trên bảng xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam và Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam năm 2023 (Vietnam Report); Top 3 Mid Cap có hoạt động IR được định chế tài chính đánh giá cao nhất năm 2023 do Vietstock tổ chức.

- Công tác quản lý/quản trị: Công tác quản lý/quản trị luôn được HĐQT chú trọng và nhận định đây là yếu tố đảm bảo cho sự phát triển của PVTrans một cách an toàn, bền vững và ổn định. Năm 2023, HĐQT đã tiếp tục củng cố, cải tiến cơ chế hoạt động đã được xây dựng từ những năm trước một cách phù hợp với đặc thù và quy mô phát triển của Tổng công ty nhằm đảm bảo HĐQT thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ vai trò của mình, phát huy tối đa vai trò của từng cá nhân TV HĐQT và sức mạnh của tập thể HĐQT trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế/quy định nội bộ và hướng tới thông lệ quản trị tốt nhất. Trong năm 2023, để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của HĐQT, HĐQT đã thành lập 2 tiểu ban bao gồm Tiểu ban Kiểm toán và quản trị rủi ro, Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng và một ban chuyên môn thuộc HĐQT.

Công tác kiểm tra/giám sát nhằm rà soát, chấn chỉnh công tác điều hành tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên luôn được HĐQT Tổng công ty quan tâm và chỉ đạo sâu

sát, triệt để, trong đó bao gồm việc rà soát, xây dựng hoàn thiện các cơ chế, quy chế trong quản lý quản trị, tài chính kế toán, đầu tư, thương mại, tổ chức nhân sự, việc tổ chức các cuộc kiểm tra, kiểm toán nội bộ để phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai sót, yếu kém trong hoạt động SXKD, không tạo kẽ hở trong quản lý và nâng cao hiệu quả quản trị trong Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Tiếp tục xây dựng hệ thống quản lý và đẩy mạnh việc sắp xếp, đào tạo, luân chuyển, kiện toàn bổ sung các cán bộ chủ chốt có năng lực cho Tổng công ty. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và an toàn cho tàu, kiểm soát chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật, cung cấp vật tư và dịch vụ cần thiết nhằm đảm bảo cho các tàu hoạt động liên tục, an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

- Công tác xây dựng chiến lược phát triển của Tổng công ty và các ĐVTV được coi là một nhiệm vụ quan trọng trong năm 2023. HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp chuyên đề nhằm cập nhật thông tin, những dự báo về xu hướng thị trường từ đó đưa ra những định hướng chiến lược phù hợp để phát huy những điểm mạnh, lợi thế của từng đơn vị đồng thời đảm bảo sự phát triển hài hòa/đồng bộ giữa các đơn vị để hướng đến sự phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty nói chung và các ĐVTV nói riêng. HĐQT cũng đã hoàn tất việc xây dựng Kế hoạch 5 năm 2021-2025 và định hướng đến 2035 của PVTrans. Trên cơ sở kế hoạch SXKD và đầu tư 5 năm 2021-2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 phê duyệt, HĐQT đã chấp thuận định hướng tái cấu trúc và kế hoạch SXKD đến năm 2025 của các đơn vị thành viên.

- Công tác cán bộ luôn được HĐQT xác định đóng vai trò then chốt nhằm thực hiện thành công định hướng, chiến lược phát triển của Tổng công ty. Việc nâng cao nhận thức về vai trò của công tác cán bộ được quán triệt triệt để đến tập thể cán bộ lãnh đạo, đặc biệt người đứng đầu các cấp. HĐQT đã tổ chức các hội thảo, ban hành nghị quyết về giải pháp đột phá trong công tác cán bộ bao gồm việc khẩn trương xây dựng cơ chế để chủ động nguồn nhân lực thuyền viên đạt chất lượng cho đội tàu của toàn Tổng công ty, tăng cường công tác luân chuyển, đào tạo cán bộ; tăng định biên tuyển dụng nhân sự (bao gồm cả chức danh quản lý) tại các phòng ban, đơn vị để có dự địa cho việc đào tạo, phát triển nguồn cán bộ; Ưu tiên tuyển dụng và bổ nhiệm các cán bộ công nhân viên trẻ, có năng lực, có tố chất tốt; đổi mới công tác đánh giá cán bộ, trong đó việc đánh giá cán bộ phải đảm bảo thông qua kết quả công việc, bằng sản phẩm cụ thể trong đó việc đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ ở từng cấp từ Tổng công ty và các đơn vị thành viên là một tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo/quản lý.

- Công tác đầu tư tàu: Trên cơ sở định hướng chiến lược phát triển và thực trạng đội tàu hiện tại của Tổng công ty, HĐQT xác định việc đầu tư phát triển đội tàu để nâng cao năng lực vận tải là vấn đề quan trọng trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD cũng như sự phát triển của Tổng công ty. Do đó, trong bối cảnh cảnh giá dầu biến động liên tục do ảnh hưởng của những bất ổn về chính trị, kinh tế trên toàn cầu kéo theo giá mua bán tàu biến động liên tục HĐQT đã thường xuyên đôn đốc, quyết liệt chỉ đạo TGĐ nắm bắt thị trường, nắm bắt cơ hội đầu tư các dự án theo kế hoạch 2023 đã được phê duyệt. Trong năm 2023, Tổng công ty đã đầu tư được 4 tàu trong tổng số 6 tàu theo kế hoạch. Các tàu đã được đưa vào khai thác ngay sau khi hoàn thành đầu tư đã góp phần nâng cao kết quả SXKD của Tổng công ty năm 2023.

- Công tác đầu tư tài chính: Công tác đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên đã được triển khai theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt đã góp phần giúp cho các đơn vị thành viên kịp thời thực hiện kế hoạch đầu tư từ đó nâng cao năng lực vận tải/hiệu quả

SXKD của các đơn vị. Trong năm 2023, Tổng công ty đã đầu tư tài chính 62,6 tỷ đồng vào Công ty Đông Dương và Công ty Phương Đông Việt.

- Công tác tăng vốn điều lệ từ 3.236 tỷ đồng lên 3.560 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (đợt 1): đã thực hiện chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức với ngày đăng ký cuối cùng là ngày 12/04/2024, dự kiến hoàn thành trong tháng 4/2024.

- Đối với công tác tăng vốn điều lệ từ 3.560 tỷ đồng lên 3.916 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo phê duyệt của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023: HĐQT sẽ tiếp tục triển khai các thủ tục với cơ quan có thẩm quyền sau khi hoàn tất tăng vốn đợt 1.

3. Hoạt động của các thành viên HĐQT

Trong năm 2023, đa số các thành viên HĐQT đã tích cực, chủ động thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, tuân thủ quy định của luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động của PVTrans, quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan, hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công, cụ thể như sau:

1) Ông Phạm Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

+ Tích cực, chủ động trong vai trò Chủ tịch HĐQT, thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

+ Điều hành hoạt động của HĐQT đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, của Điều lệ Tổng công ty và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và hướng đến các thông lệ quản trị tốt nhất. Chủ động, linh hoạt xây dựng phương thức hoạt động của HĐQT tạo được sự tập trung, nhất quán trong HĐQT đồng thời phát huy năng lực, thế mạnh của từng thành viên HĐQT.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đầy đủ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2) Ông Nguyễn Duyên Hiếu- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

+ Có nỗ lực trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đầy đủ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

+ Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3) Bà Nguyễn Linh Giang – Thành viên HĐQT

+ Tích cực, chủ động trong vai trò là thành viên HĐQT chuyên trách, thực hiện tốt các công việc theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đầy đủ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4) Ông Nguyễn Đình Thanh - Thành viên Hội đồng Quản trị

+ Tích cực, chủ động trong vai trò là thành viên HĐQT theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đầy đủ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5) Ông Hoàng Đức Chính - Thành viên Hội đồng Quản trị

+ Tích cực, chủ động thực hiện tốt vai trò thành viên HĐQT theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đầy đủ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

6) Ông Đoàn Đình Thái - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

+ Tích cực, chủ động thực hiện vai trò thành viên HĐQT độc lập.

+ Tham gia các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đầy đủ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT độc lập.

7) Bà Nguyễn Thị Thu Hường - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

+ Tích cực, chủ động thực hiện vai trò thành viên HĐQT độc lập.

+ Tham gia các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đầy đủ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thù lao, phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 được trả theo mức đã được ĐHĐCĐ năm 2023 phê duyệt, cụ thể như sau:

- Đối với Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm và BKS kiêm nhiệm: Phụ cấp thành viên HĐQT độc lập là 20.000.000 đồng/người/tháng; Thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm tham gia điều hành là 5.000.000 đồng/người/tháng; Thành viên BKS kiêm nhiệm là 9.000.000 đồng/người/tháng, phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng số tiền thù lao thực hiện đối với thành viên HĐQT và BKS trong năm 2023 là 876.000.000 đồng. Chế độ tiền thưởng từ quỹ thưởng Ban QLĐH hàng năm do Hội đồng quản trị xem xét thực hiện theo các Quy chế, quy định về chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty.

- Đối với Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, các Quy chế, quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty: Tổng tiền lương, thu nhập của thành viên HĐQT chuyên trách (02 người) là 3.219.073.640 đồng và Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là 968.184.986 đồng (Chi tiết được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên).

5. Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành

HĐQT nhận định năm 2023 là một năm có rất nhiều nguy cơ và rủi ro từ các biến động thị trường và kinh tế thế giới, trong đó bao gồm những hệ lụy từ dịch bệnh Covid-19, đặc biệt là ảnh hưởng sâu rộng từ cuộc chiến tranh Nga – Ucraina. Do đó, bên cạnh vai trò định hướng chiến lược, quản trị rủi ro vẫn là nhiệm vụ chính của HĐQT thì việc tăng cường công tác quản lý, giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động SXKD của Tổng công ty luôn được chú trọng.

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát của mình theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, các quy định, quy chế quản lý nội bộ và pháp luật hiện hành.

HĐQT đã tổ chức việc thực hiện chức năng giám sát thông qua một số hoạt động chính như sau:

- Phân công công việc cho các thành viên HĐQT theo dõi từng lĩnh vực và đơn vị cụ thể. Với các lĩnh vực và đơn vị được phân công, thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính, thay mặt HĐQT giám sát, đôn đốc, hoạt động của Bộ máy điều hành, các đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên của Tổng công ty.

- Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở TGĐ báo cáo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT, chỉ đạo/ kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở TGĐ thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng các quy chế/quy định của Tổng công ty;

- Tổ chức giám sát chặt chẽ việc triển khai các dự án đầu tư, tăng vốn tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên thông qua bộ phận Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát viên của Tổng công ty tại các đơn vị.

6. Các quyết định của HĐQT năm 2023

Trong năm 2023 HĐQT đã tiến hành 100 cuộc họp dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp HĐQT đã ban hành 77 Nghị quyết và 79 Quyết định về những vấn đề quan trọng của Tổng công ty như phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2023 của Tổng công ty, phê duyệt các dự án đầu tư mua tàu của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, tăng vốn tại một số đơn vị thành viên, sửa đổi bổ sung các quy chế quản trị nội bộ ... để chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất - kinh doanh.

7. Giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên đó; Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: chi tiết được trình bày tại thuyết minh BCTC công ty mẹ năm 2023 đã kiểm toán.

8. Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

❖ Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên HĐQT độc lập đã tích cực, chủ động thực hiện vai trò thành viên HĐQT độc lập; tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

❖ Kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2023 HĐQT đã hoạt động theo Điều lệ, quy chế của Tổng công ty.

- HĐQT đã rất tích cực, chủ động thực hiện vai trò xây dựng chiến lược, chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ 2023 đề ra.

- HĐQT đã rất chú trọng các hoạt động nhằm xây dựng và củng cố nâng cao hiệu quả công tác quản trị để duy trì, phát triển năng lực cạnh tranh, khẳng định uy tín của PVTrans trên thị trường vận tải.

- Công tác kiểm tra, giám sát được HĐQT hết sức chú trọng nhằm kịp thời chấn chỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện không để xảy ra những hệ quả tiêu cực đối với kết quả SXKD của Tổng công ty.

II.PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

1. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2024:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	*ĐVT*	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Doanh thu	*Tỷ đồng*	8.800,0	2.800,0
2	Lợi nhuận trước thuế	*Tỷ đồng*	950,0	560,0
3	Lợi nhuận sau thuế	*Tỷ đồng*	760,0	458,0
4	Nộp ngân sách Nhà nước	*Tỷ đồng*	354,0	211,0

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của HĐQT

Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và người đại diện vốn tại các đơn vị thành viên thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

a. Về sản xuất kinh doanh

- Vận chuyển an toàn, kịp thời nguyên liệu dầu thô đầu vào, sản phẩm dầu và khí đầu ra của NMLD Dung Quất, NMLHD Nghi Sơn và các khách hàng khác theo các hợp đồng ký kết.

- Quản lý khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu của PVTrans trên các tuyến quốc tế.

- Quản lý, vận hành, khai thác an toànhiệu quả và đảm bảo không để xảy ra sự cố dừng sản xuất tàu FSO PVN Đại Hùng Queen tại mỏ Đại Hùng và giàn CPP cho Idemitsu tại mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt.

- Duy trì ổn định các hoạt động kinh doanh khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát chặt chẽ để hạn chế phát sinh công nợ quá hạn.

- Đẩy mạnh công tác dự báo thị trường, thường xuyên cập nhật các kịch bản và đề xuất giải pháp sẵn sàng ứng phó với biến động của thị trường bằng các nguồn lực hiện có, bám sát chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện trong bối cảnh bất ổn chính trị và đình trệ kinh tế toàn cầu.

- Nỗ lực nâng cao công tác quản trị, đặc biệt quản lý chi phí thông qua việc tối ưu hóa cơ cấu tổ chức, mô hình quản lý, cắt giảm chi phí không cấp bách, đàm phán giãn thời gian thanh toán, giảm giá với các hợp đồng mua hàng hóa dịch vụ đã ký kết.

b. Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp

- Triển khai công tác tái cấu trúc tổng thể Tổng công ty phù hợp với tình hình mới, triệt để giải quyết các tồn tại, khó khăn của Tổng công ty và các đơn vị thành viên để, tái cấu trúc đội tàu, nâng cao năng lực vận chuyển, tăng năng lực cạnh tranh đáp ứng cơ hội phát triển của PVTrans trong giai đoạn sắp tới.

c. Về đầu tư

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật dự báo thị trường vận tải, thị trường mua bán tàu để triển khai dự án đầu tư theo kế hoạch đã duyệt phù hợp với nhu cầu thị trường, đảm bảo tiến độ, hiệu quả, đúng quy định pháp luật và quy định của Tổng công ty. Quản lý và cân đối vốn đầy đủ cho các dự án đầu tư và hoạt động thường xuyên của Tổng công ty.

- Thực hiện đầu tư góp vốn vào đơn vị thành viên sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty; đảm bảo hiệu quả đầu tư cũng như bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại đơn vị.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để kiểm soát tiến độ dự án, đảm bảo hiệu quả đầu tư và giải ngân vốn đầu tư dự án theo tiến độ được phê duyệt.

d. Về tài chính

- Khai thác, sử dụng hiệu quả các tài sản trong toàn Tổng công ty.

- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông, duy trì và nâng cao các chỉ số đảm bảo an toàn hoạt động tài chính của Tổng công ty.

- Xây dựng kế hoạch dòng tiền, kế hoạch đầu tư của Công ty mẹ đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản vay, các dự án đầu tư.

- Tiếp tục bám sát cơ quan có thẩm quyền để hoàn thành phương án tăng vốn điều lệ thông qua hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu .

e. Nhiệm vụ khác

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Luật An toàn, vệ sinh lao động hiện hành.

- Tiếp tục tập trung công tác triển khai chuyển đổi số, xây dựng chiến lược tổng thể với việc xác định tầm nhìn số, lộ trình triển khai cụ thể và tích hợp, đồng bộ thông tin/dữ liệu hóa SXKD.

- Thực hiện công tác An sinh xã hội, Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp theo đúng các Quy định của pháp luật và quy chế/quy định của Tổng công ty trên cơ sở đảm bảo phù hợp và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

III. KẾT LUẬN

Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2023, với sự đoàn kết, sáng tạo và quyết tâm của Hội đồng Quản trị, tập thể Ban lãnh đạo cùng sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Tổng công ty, Hội đồng quản trị tin tưởng sẽ hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 giao và tiếp tục đưa Tổng công ty đạt được những thành quả lớn hơn nữa, đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài của PVTrans và không ngừng gia tăng lợi ích cho các cổ đông.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của HĐQT Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01-2024/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024)

Báo cáo hoạt động năm 2023
và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát
Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Phần A: Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát (BKS):

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng Công ty Vận tải Dầu khí (PVTrans).

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm 2023 và giám sát tình hình hoạt động thực tế tại PVTrans, báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), Ban kiểm soát đã có các báo cáo giám sát hàng quý và thực hiện Thẩm định báo các tài chính theo quý, theo năm. Trong năm 2023, tình hình tài chính của PVTrans được thể hiện ở một số chỉ tiêu chính như sau:

1.1 Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Với sự quan tâm và chỉ đạo kịp thời của Tập đoàn cùng với sự nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, Tổng công ty PVTrans đã chủ động, linh hoạt đưa ra nhiều giải pháp để tận dụng cơ hội thị trường đồng thời khắc phục khó khăn, duy trì sản xuất ổn định an toàn, hiệu quả và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, cụ thể:

a. Thực hiện kế hoạch hợp nhất Tổng công ty năm 2023

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023		Tỷ lệ % ƯTH/KH năm 2023
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	6.800,0	10.135,5	149%
2	Lợi nhuận trước thuế	680,0	1.548,6	228%
3	Lợi nhuận sau thuế	538,0	1.221,5	227%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	296,0	522,3	176%
5	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	19,1%	47,8%	251%

PVTrans đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu KH chủ yếu được giao, cụ thể:

- Chỉ tiêu doanh thu đạt 10.135,5 tỷ đồng, tương đương 149% kế hoạch năm;

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 1.548,6 tỷ đồng, tương đương 228% kế hoạch năm; Lợi nhuận sau thuế đạt 1.221,5 tỷ đồng, tương đương 227% kế hoạch năm;

- Chỉ tiêu nộp NSNN đạt 522,3 tỷ đồng, tương đương 176% kế hoạch năm;

- Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ đạt 47,8%, tương đương 251% kế hoạch năm

b. Thực hiện kế hoạch Công ty mẹ năm 2023

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023		Tỷ lệ % ƯTH/KH năm 2023
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	2.550,0	3.614,6	142%
2	Lợi nhuận trước thuế	430,0	884,4	206%
3	Lợi nhuận sau thuế	373,0	736,1	197%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	170,0	266,6	157%

Công ty mẹ PVTrans đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được giao, cụ thể:

- Chỉ tiêu doanh thu đạt 3.614,6 tỷ đồng, tương đương 142% kế hoạch năm;

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 884,4 tỷ đồng, tương đương 206% kế hoạch năm; Lợi nhuận sau thuế đạt 736,1 tỷ đồng, tương đương 197% kế hoạch năm;

- Chỉ tiêu nộp NSNN đạt 266,6 tỷ đồng, tương đương 157% kế hoạch năm.

c. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của các ĐVTV

Công ty mẹ PVTrans cũng đã quyết liệt chỉ đạo các ĐVTV tích cực, chủ động trong công tác đầu tư, tranh thủ thị trường thuận lợi, triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD, hoạt động hiệu quả, ổn định và đạt kết quả kinh doanh tăng trưởng cao, cụ thể:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Tên công ty	Năm 2022		Thực hiện năm 2023		% So sánh	
		Doanh thu	LNTT	Doanh thu	LNTT	Doanh thu	LNTT
1	PVTrans Pacific	1.723.589	276.851	1.731.398	235.258	100%	85%
2	Phương Nam	1.144.218	71.058	1.083.910	91.531	95%	129%
3	PVT Logistics	1.000.956	157.642	1.114.961	80.153	111%	51%
4	Gas Shipping	1.891.852	101.886	1.811.328	105.713	96%	104%
5	Nhật Việt Trans	1.772.982	167.093	2.183.034	178.670	123%	107%
6	Hàng hải Thăng Long	352.405	20.072	379.216	41.819	108%	208%
7	PVTrans Hà Nội	544.871	123.071	459.108	80.160	84%	65%
8	PVTrans PTT	243.203	6.139	266.712	13.510	110%	220%
9	PVTrans Quảng Ngãi	200.618	4.220	188.401	4.154	94%	98%
10	PVTrans OFS	820.256	53.983	693.602	72.417	85%	134%
11	Công ty PSM	271.520	13.436	246.403	13.416	91%	100%

d. Các chỉ số tài chính hợp nhất:

Chỉ tiêu	Tại kỳ báo cáo	Kỳ trước
Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,48	0,44
Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	0,94	0,78
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,32	1,47
Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	1,86	2,06

Chỉ tiêu	Tại kỳ báo cáo	Kỳ trước
Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	2,07	2,28
ROE (%)	14,33%	15,43%
ROA (%)	7,70%	8,64%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (ROS) (%)	12,78%	12,78%

Hệ số nợ phải trả/VCSH của Hợp nhất tại ngày 31/12/2023 nhỏ hơn 1.

Hệ số nợ phải trả/VCSH của Hợp nhất tại ngày 31/12/2023 nhỏ hơn 1.

Khả năng thanh toán nợ của PVTrans tại 31/12/2023: các chỉ số thanh toán nợ ngắn hạn của PV Trans năm 2023 tuy có thấp hơn cùng kỳ năm 2023 do TCT đầu tư tài sản nhưng vẫn đảm bảo tốt khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả thể hiện qua chỉ số thanh toán nhanh là 1,32 lần. Chỉ số thanh toán tổng quát Hợp nhất là 2,07 lần, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng 5,7% so với năm 2022.

1.2 Phân tích kết quả SXKD theo từng lĩnh vực hoạt động

a. Vận tải dầu thô

PVTrans vận chuyển an toàn và kịp thời dầu thô cho BSR từ các mỏ nội địa về NMLD Dung Quất với tổng sản lượng đạt 5,5 triệu tấn. Trong bối cảnh thị trường vận chuyển dầu thô quốc tế diễn biến thuận lợi, PVTrans duy trì khai thác an toàn, hiệu quả tàu theo hình thức cho thuê tàu chuyến và định hạn trên các tuyến quốc tế.

b. Vận tải LPG

Năm 2023, PVTrans tiếp tục đáp ứng tốt nhu cầu vận tải của BSR, PVGas … giữ vững 100% thị phần thị trường vận tải LPG nội địa, thực hiện chuyên chở 1,6 triệu tấn LPG. Ngoài ra, PVTrans cũng tăng cường cho các tàu khai thác trên thị trường quốc tế, gây dựng thương hiệu, từng bước tạo dựng những mối quan hệ với các chủ hàng lớn của khu vực Châu Á như PTT, Apex, Itochu, Petronas …

c. Vận tải dầu/ hóa chất

PVTrans đã vận chuyển xăng dầu cho PVOil và các đầu mối xăng dầu khác trong nước từ NMLD Dung Quất và NMLHD Nghi Sơn với tổng sản lượng đạt 2,3 triệu tấn dầu sản phẩm. Trên thị trường quốc tế, đội tàu dầu hóa chất của PVTrans gồm 22 chiếc hoạt động liên tục chủ yếu tại khu vực châu Âu, Nam Mỹ, mang lại hiệu quả kinh doanh tốt.

d. Vận tải hàng rời

Tổng công ty tiếp tục duy trì việc khai thác các tàu chở hàng rời trên thị trường quốc tế theo phương thức cho thuê tàu chuyến và định hạn. PVTrans quan tâm bám sát để tham gia vận tải than nội địa cho các nhà máy Sông Hậu 01, Nhiệt điện Duyên Hải.

e. Dịch vụ kỹ thuật hàng hải dầu khí FSO/FPSO

PVTrans tiếp tục vận hành ổn định, an toàn tàu FSO PVN Đại Hùng Queen tại mỏ Đại Hùng, duy trì tỷ lệ thời gian uptime đạt 100%, không để xảy ra tai nạn sự cố hoặc dừng sản xuất do lỗi kỹ thuật của tàu, góp phần vào hoạt động khai thác an toàn và ổn định của mỏ. Đối với việc quản lý vận hành dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, PVTrans đã phối hợp chặt chẽ với khách hàng để duy trì hoạt động và tích cực đáp ứng tối đa các yêu cầu của khách hàng.

1.3 Về công tác đầu tư:

a. Đầu tư tài chính

Trong năm 2023, Tổng công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty Đông Dương thông qua mua cổ phiếu trên sàn để nâng tỷ lệ sở hữu lên 52,47% VĐL. Bên cạnh đó, PVTrans cũng đã thực hiện giải ngân 62,1 tỷ đồng vào Công ty Phương Đông Việt thông qua hình thức góp vốn mua cổ phần phát hành thêm trong tháng 10/2023.

b. Đầu tư dự án mua tàu

Tại công ty mẹ (PVTrans): Đã đầu tư mua 4/6 tàu gồm: 01 chở dầu/hóa chất (PVT Clara nhận tháng 7/2023), 01 tàu chở hàng rời Supramax (PVT Pearl nhận tháng 9/2023) và 02 tàu MR (PVT Solana và PVT Avira nhận tháng 10/2023).

Tại các đơn vị thành viên của PVTrans: Đã hoàn thành đầu tư mua 3 tàu gồm NVTrans đầu tư mua 01 tàu chở khí hóa lỏng VLGC (Global Liberty), Công ty Phương Đông Việt đã tiếp nhận 01 tàu dầu/hóa chất (PVT Jupiter) và Công ty Pacific đã tiếp nhận 01 tàu chở dầu MR (Pacific Era).

Bên cạnh đó thông qua hình thức thuê tàu trần kèm theo nghĩa vụ/quyền mua (thuê mua bareboat), Công ty NVTrans đã tiếp nhận 5 tàu thuê mua bareboat, bao gồm 02 tàu chở khí LPG (MT Iris và Morning Kate), 01 tàu chở hàng rời (Nord Hakata) và 02 tàu chở dầu/hóa chất (NV Minerva và NV Athena).

Đối với các dự án đầu tư tàu có trong kế hoạch nhưng chưa thể triển khai vì yếu tố thị trường mua bán tàu không thuận lợi, sẽ được PVTrans chuẩn bị sẵn sàng về thủ tục phê duyệt, thường xuyên cập nhật và tiếp tục tiến hành chuyển tiếp sang năm 2024 để triển khai ngay việc đầu tư khi thị trường mua bán tàu có xu hướng hạ nhiệt, với mặt bằng giá giao dịch phù hợp và đảm bảo hiệu quả kinh tế tối ưu của dự án.

1.4 Công tác tái cấu trúc:

PVTrans luôn chủ động và liên tục sửa đổi các quy trình, quy chế, quy định nội bộ để phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước cũng như để nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp.

Đối với công tác tái cơ cấu, thoái vốn tại PVTrans và các đơn vị thành viên:

a. Tỷ lệ nắm giữ của Tập đoàn tại PVTrans:

- PVTrans tiếp tục theo dõi và phối hợp với Tập đoàn trong việc việc duy trì tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn từ 51% vốn điều lệ (VĐL) phù hợp với chiến lược phát triển chung của PVN.

b. Tăng tỷ lệ sở hữu của PVTrans tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

- PVTrans đã thực hiện phương án mua thêm vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương để tăng tỷ lệ sở hữu của PVTrans từ 48,67% VĐL lên 52,47% VĐL.

c. Tăng VĐL của Công ty Phương Đông Việt và Hàng hải Thăng Long:

- PVTrans chưa hoàn tất triển khai được việc góp vốn cho đơn vị thành viên nêu trên theo kế hoạch 2023, do các đơn vị này chưa triển khai được dự án đầu tư tàu và thủ tục phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất.

d. Tăng VĐL của Công ty mẹ bằng hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2022:

- Việc tăng vốn điều lệ của PVTrans từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ thường niên của PVTrans năm 2022 thông qua, PVTrans đang triển khai các bước tiếp theo với UBCK phù hợp quy định. Tuy nhiên, việc tăng vốn điều lệ tiếp theo của PVTrans từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ thường niên của PVTrans năm 2023 thông qua, đến cuối năm 2023 chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nên PVTrans gặp khó khăn trong việc thu xếp nguồn vốn CSH để phục vụ cho các dự án đầu tư của Tổng Công ty trong giai đoạn 2022 – 2024. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu bị kéo dài như vậy (vượt quá 6 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp) phần nào ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông và của PVTrans.

1.5 Công tác quản trị doanh nghiệp

Trong giai đoạn biến động của thị trường trong nước và quốc tế thời gian qua, Ban Lãnh đạo Pvtrans đã tập trung và có các giải pháp về quản trị biến động, điều hành linh hoạt để ứng phó với tác tình huống về thị trường và biến động trên thế giới. Tăng cường áp dụng các hệ thống quản trị hiện đại, xây dựng chiến lược phát triển và văn hóa doanh nghiệp để tạo môi trường và động lực phát triển bền vững. Cụ thể:

- Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, Chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động thường xuyên của Tổng Công ty.

- Đẩy mạnh công tác chuyên đổi số, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, tối ưu hóa sản xuất, chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp của công ty để tạo nên tảng cho sự phát triển bền vững.

2. Kết quả giám sát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp chính để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và TGĐ đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2023 của Tổng Công ty.

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Tổng Công ty. TGĐ đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHĐCĐ.

- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Tổng giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.

- HĐQT đã chỉ đạo, tạo điều kiện và đồng hành cùng TGĐ trong việc xử lý các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD, đặc biệt là trong các tình huống khẩn cấp, thời điểm tình hình SXKD khó khăn khi các biến động trên thị trường trong nước và thế giới biến động khó lường như năm 2023.

TGĐ và Ban điều hành đã có nỗ lực và điều hành hoạt động của Tổng Công ty một cách linh hoạt, tuân thủ các quy định của công ty và của pháp luật. Tập trung nâng cao công tác quản trị, điều hành, tối ưu hóa trong sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong mọi lĩnh vực và đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu SXKD của năm 2023.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT:

Ban kiểm soát đã xem xét và cho rằng các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Tổng Công ty là cơ bản đầy đủ, hợp pháp và trung thực, đáng tin cậy.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, TGĐ dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông.

HĐQT và TGĐ đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát. Thường xuyên trao đổi và cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.

BKS đã thực hiện gửi Báo cáo giám sát định kỳ cho Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm 2023, BKS không nhận được yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông về việc thực hiện kiểm tra một nội dung/vụ việc nào theo quy định tại Điểm 6, Điều 170- Quyền và nghĩa vụ của BKS- của Luật Doanh nghiệp 2020.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: chi tiết được trình bày tại thuyết minh BCTC công ty mẹ năm 2023 đã kiểm toán. Các giao dịch này đã được phê duyệt về cơ bản theo đúng quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định phát luật khác có liên quan, quy định của Điều lệ Tổng công ty; đồng thời được công bố thông tin theo quy định. Quá trình thực hiện các giao dịch này không phát sinh vướng mắc hoặc gây ảnh hưởng đến lợi ích của Tổng công ty.

6. Hoạt động của BKS.

Trong năm 2023, ĐHĐCĐ quyết định miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát đối với ông Kim Kwang Hyuk, quyết định bầu Bà Nguyễn Thị Nhung và Bà Ngô Thị Thu Linh giữ chức danh Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm.

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát PVTrans hiện nay gồm có 03 thành viên, các Thành viên ban kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

**** Bà Trương Thị Anh Đào – Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty***

Chịu trách nhiệm chung các hoạt động của Ban Kiểm soát, thay mặt Ban kiểm soát ký ban hành các quyết định, văn bản của Ban Kiểm soát; Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát; Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng quý/năm của Ban kiểm soát; Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty, công tác lập kế hoạch hàng năm; Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng Công ty; Giám sát hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và các đơn vị thành viên; Lập báo cáo định kỳ theo yêu cầu và một số báo cáo khác.

**** Bà Nguyễn Thị Nhung – Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm***

Giám sát công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp tại Tổng Công ty; Giám sát công tác đầu tư góp vốn; Lập báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính; Thẩm định các chỉ tiêu tài chính để đánh giá hiệu quả hoạt động, việc sử dụng và bảo toàn vốn tại Tổng công ty; Hỗ trợ Ban kiểm soát cập nhật các thông tin về tình hình tài chính, tiền tệ trong và ngoài nước. Phối hợp với các đoàn kiểm tra khi thực hiện các đợt kiểm tra tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên khi được phân công.

**** Bà Ngô Thị Thu Linh - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm***

Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội cổ đông phê duyệt; Giám sát công tác đầu tư góp vốn, công tác đầu tư phát triển các dự án hợp tác kinh doanh, dự án liên doanh liên kết của Tổng công ty; Phối hợp với các đoàn kiểm tra khi thực hiện các đợt kiểm tra tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên khi được phân công.

Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua; Bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty; Duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc; Thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo giám sát và báo cáo khác khi được yêu cầu. Các thành viên Ban Kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty.

Trong năm 2023 cho tới tháng 3/2024, Ban kiểm soát đã tổ chức 05 lần họp trực tiếp để thông qua một số nội dung như sau:

STT	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/BB- BKS	11/04/2023	Về việc bầu Trưởng Ban Kiểm soát
2	02/BB- BKS	11/04/2023	Về việc phân công công việc giữa các thành viên trong Ban Kiểm soát
3	03/BB- BKS	28/07/2023	Về việc thẩm định Báo cáo tài chính Hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty Mẹ 6 tháng đầu năm 2023
4	04/BB- BKS	26/10/2023	Về việc thẩm định Báo cáo tài chính Hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty Mẹ Quý 3/2023

STT	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
5	05/BB- BKS	27/12/2023	Về việc thông qua kế hoạch hoạt động dự kiến năm 2024 của Ban Kiểm soát
6	06/BB- BKS	22/03/2024	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

Trong năm 2023, BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dựa trên kế hoạch hoạt động đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Việc chấp hành điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Công ty;

- Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro của Công ty.

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023; tình hình sử dụng và bảo toàn vốn; việc thực hiện biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; công tác triển khai các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp hoạt động tại các đơn vị/phòng ban; phối hợp giám sát cùng các đoàn kiểm tra kiểm tra thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty, …. Qua đó, BKS đã có những trao đổi, đề xuất, kiến nghị để HĐQT, TGĐ Công ty xem xét triển khai thực hiện nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối đa lợi ích của Công ty. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các thành viên trong BKS được gửi cho Ban điều hành Tổng Công ty thông qua các cuộc họp, trao đổi hàng ngày, báo cáo giám sát hàng quý và báo cáo thẩm định báo cáo tài chính để xem xét triển khai thực hiện.

BKS thường xuyên rà soát, đánh giá các nội dung và kế hoạch hoạt động của BKS để triển khai các công việc hiệu quả cao nhất.

Nhận xét: Các thành viên của BKS đã cơ bản thực hiện tốt vai trò chức trách của mình và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các kiến nghị của Ban kiểm soát đã nêu trong năm 2023

- Tiếp tục tăng cường công tác tái cấu trúc theo hướng hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, bám sát chiến lược phát triển Tổng công ty;

- Tiếp tục chỉ đạo xử lý các tài sản xấu, kém hiệu quả, chú trọng công tác đầu tư để trẻ hóa đội tàu, đồng thời nâng cao năng lực vận tải trong nước và quốc tế;

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị, sử dụng hiệu quả dòng tiền, đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro thông qua việc ban hành các văn bản quy chế phù hợp.

- Tiếp tục hỗ trợ các công ty thành viên kinh doanh còn khó khăn;

- Theo dõi và bám sát thị trường vận tải để kịp thời nắm bắt cơ hội đầu tư tạo lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên.

- Kiểm soát viên luôn có sự đoàn kết và phối hợp chặt chẽ với với các vị trí lãnh

đạo tại Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, đồng thời luôn nhận được sự hỗ trợ để hoàn thành nhiệm vụ do Tập đoàn và ĐHĐCĐ giao. Tuy nhiên do hiện nay quy mô vốn của Tổng Công ty PVTrans và các đơn vị thành viên tăng đáng kể trong thời gian vừa qua và tiếp tục tăng trong 5 năm tới, công tác đầu tư/ khai thác/thanh lý tái cơ cấu đội tàu cũng được đẩy mạnh, số lượng thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế (3 người) và kiêm nhiệm ở các vị trí địa lý khác nhau gây khó khăn cho hoạt động của BKS trong quá trình kiểm tra giám sát nên đề nghị ĐHĐCĐ xem xét bổ sung thêm 2 thành viên từ nguồn tại chỗ nhằm đảm bảo chất lượng của công tác kiểm soát trong thời gian tới.

- Ngoài ra còn một số khuyến nghị, trao đổi khác liên quan đến các hoạt động thường ngày và khuyến nghị thông qua các đợt kiểm tra chuyên đề, Ban KS đã trao đổi trực tiếp với HĐQT/TGĐ để xem xét chỉ đạo các bộ phận/phòng ban liên quan tiếp tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro …đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối ưu hóa trong quá trình SXKD.

7. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và của từng thành viên của BKS

Các thành viên BKS làm việc tại Tổng Công ty, được sử dụng cơ sở vật chất, phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các quy định hiện hành của Tổng Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí,... Chi phí hoạt động của BKS được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của từng thành viên BKS được chi trả tuân thủ theo quy định của Công ty và đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tiền lương/thù lao kế hoạch và chi phí hoạt động của các thành viên BKS đã bao gồm thuế TNCN phát sinh trong năm 2023 là 954.172.521 đồng, trong đó Chi phí hoạt động là 79.420.909 đồng.

Phần B: Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2024

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ: Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước...;
- Kiểm tra/giám sát, đánh giá:
  - Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
  - Tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn;
  - Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.
- Kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý.
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai, tiến độ và hiệu quả các dự án đầu tư
- Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty.

- Phối hợp với các đoàn kiểm tra giám sát của Nhà nước, PVN trong công tác giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn vốn đầu tư của Tổng Công ty Công tác đầu tư vốn của Tổng Công ty tại các công ty này.

- Tiếp tục kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tái cấu trúc theo đề án tái cấu trúc của PVN.

- Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.

- Đề xuất đại hội đồng cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.

- Kiểm tra công tác thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông giao.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 03

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01-2024/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024)

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023
và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2023

1. Thông qua Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (đính kèm).

Chấp thuận cho Hội đồng quản trị thực hiện điều chỉnh số liệu trên BCTC năm 2023 đã được kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

2. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch hợp nhất toàn Tổng công ty:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023
1	Doanh thu	6.800,0	10.135,5
2	Lợi nhuận trước thuế	680,0	1.548,6
3	Lợi nhuận sau thuế	538,0	1.221,5
4	Nộp ngân sách Nhà nước	296,0	522,3

2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023
1	Vốn điều lệ	3.916,2	3.236,5
2	Doanh thu	2.550,0	3.614,6
3	Lợi nhuận trước thuế	430,0	884,4
4	Lợi nhuận sau thuế	373,0	736,1
5	Nộp ngân sách Nhà nước	170,0	266,6

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 04

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01-2024/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024)

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024 CỦA TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Doanh thu	8.800,0	2.800,0
2	Lợi nhuận trước thuế	950,0	560,0
3	Lợi nhuận sau thuế	760,0	458,0
4	Nộp ngân sách Nhà nước	354,0	211,0
5	Tỷ lệ chia cổ tức từ KQKD năm 2024		8%

2. Các chỉ tiêu kế hoạch đầu tư

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch
I	**Tổng vốn đầu tư**	**3.364,0**
1	Đầu tư tàu	3.102,0
2	Đầu tư góp vốn vào các ĐVTV	262,0
II	**Nguồn vốn đầu tư**	**3.364,0**
1	Vốn chủ sở hữu	1.192,6
2	Vốn vay + khác	2.171,4

Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu cần) để phù hợp với tình hình thực tế thị trường nhưng không thấp hơn các chỉ tiêu nêu trên.

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2024 CỦA CỦA TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

TT	Tên dự án	Trọng tải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024			Ghi chú
				Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
	Tổng cộng (A+B+C)		**Tỷ đồng**	**3.364,0**	**1.192,6**	**2.171,4**	
	Ngoại tệ		Tr. USD	132,0	39,6	92,4	
	Nội tệ		Tỷ đồng	262,0	262,0		
A	**Các dự án đầu tư tàu**		**Tr.USD**	**132,0**	**39,6**	**92,4**	
1	**Dự án chuyển tiếp**		**Tr.USD**	**80,0**	**24,0**	**56,0**	
1.1	Đầu tư 01 tàu VLGC hoặc 01 tàu Aframax hoặc 02 tàu MR	*- Tàu VLGC 72-85k Cbm* *- Tàu Aframax: 80k-120k DWT* *- Tàu MR 45k-55k DWT*	Tr. USD	58,0	17,4	40,6	*Dự án chuyển tiếp, điều chỉnh TMĐT, bổ sung chủng loại tàu*
1.2	Đầu tư 01 tàu dầu hóa chất hoặc 01 tàu hàng rời	*- Tàu dầu hóa chất 10-25k DWT* *- Tàu hàng rời 25k-75k DWT*	Tr. USD	22,0	6,6	15,4	*Dự án chuyển tiếp, điều chỉnh TMĐT, bổ sung chủng loại tàu*
2	**Dự án khởi công mới**		**Tr.USD**	**52,0**	**15,6**	**36,4**	
2.1	Đầu tư 02 tàu MR hoặc 01 tàu Aframax	- Tàu MR 45k-55k DWT - Tàu Aframax: 80k-120k DWT	*Tr.USD*	52,0	15,6	36,4	*Dự án đầu tư mới năm 2024*
B	**Đầu tư tài chính**		Tỷ đồng	**262,0**	**262,0**		
1	**Dự án chuyển tiếp**		**Tỷ đồng**	**181,0**	**181,0**		
1.1	Góp vốn bổ sung Công ty PVT Logistics		Tỷ đồng	42,0	42,0		*Dự án chuyển tiếp*
1.2	Góp vốn bổ sung Công ty HH Thăng Long		Tỷ đồng	90,0	90,0		*Dự án chuyển tiếp*
1.3	Góp vốn bổ sung Công ty CP vận tải Đông Dương		Tỷ đồng	49,0	49,0		*Dự án chuyển tiếp*
2	**Dự án mới**		**Tỷ đồng**	**81,0**	**81,0**		
2.1	Góp vốn bổ sung Công ty PVT Logistics		Tỷ đồng	81,0	81,0		*Dự án góp vốn mới*

Ghi chú: - Tỷ giá xây dựng kế hoạch năm 2024: 1 USD = 23.500 VND.
- Tùy theo tình hình thị trường, khả năng thu xếp vốn vay, cân đối vốn chủ sở hữu, PVTrans sẽ thực hiện đầu tư các dự án đảm bảo hiệu quả, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ PVTrans

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 05

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01-2024/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024)

Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2023 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	**Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC tại ngày 31/12/2023, trong đó:**	**1.417.913.779.843**	
1	LNST CPP còn lại lũy kế đến cuối năm 2022	681.839.186.883	
2	LNST CPP năm 2023	736.074.592.960	
II	**Lợi nhuận sau thuế được phân phối**	**695.443.010.466**	
1	LNST đã được duyệt phân phối và đang thực hiện thủ tục (*)	323.651.246.000	10%/VĐL 3.236 tỷ đồng
2	Chia cổ tức bằng tiền (**)	106.804.911.000	3%/VĐL 3.560 tỷ đồng
3	Trích Quỹ đầu tư phát triển	220.822.377.888	= I.2 x 30%
4	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%) và Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành (1%)	44.164.475.578	= I.2 x 6%
III	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại**	**722.470.769.377**	= I – II

Ghi chú:

(*) Năm 2022, ĐHĐCĐ phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%/ Vốn điều lệ 3.236 tỷ đồng theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2022 ngày 30/06/2022. Tổng công ty đang hoàn tất các thủ tục phát hành, dự kiến hoàn thành trong tháng 4/2024.

(**) Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền từ LNST chưa phân phối năm 2023 là 3% trên Vốn điều lệ dự kiến là 3.560 tỷ đồng (sau khi đã hoàn thành tăng vốn theo mục (*)).

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động thực hiện các thủ tục cần thiết để phân phối lợi nhuận và quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức theo quy định.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 06

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01-2024/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024)

Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2024

của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024 CỦA TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

1. ĐHĐCĐ thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính của PVTrans trong năm 2024, cụ thể:

- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (DELOITTE)
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
- Công ty TNHH KPMG (KPMG)

2. ĐHĐCĐ chấp thuận để Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2024 theo quy định hiện hành.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 07

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01-2024/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024)

Kế hoạch thù lao năm 2024 của Hội đồng Quản tri, Ban Kiểm soát Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH THÙ LAO, PHỤ CẤP, TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

1. Thành viên độc lập HĐQT, Thành viên HĐQT, BKS làm việc theo chế độ kiêm nhiệm:

- Phụ cấp Thành viên độc lập HĐQT: 20.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao Thành viên HĐQT, BKS làm việc theo chế độ kiêm nhiệm:

+ Thành viên HĐQT kiêm nhiệm, không điều hành	20.000.000 đồng/người/tháng.
+ Thành viên HĐQT kiêm nhiệm tham gia điều hành	5.000.000 đồng/người/tháng.
+ Thành viên Ban kiểm soát	9.000.000 đồng/người/tháng.

- Chế độ tiền thưởng từ quỹ thưởng Ban QLĐH hàng năm do Hội đồng quản trị xem xét thực hiện theo các Quy chế, quy định về chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty.

2. Thành viên trong HĐQT, BKS làm việc theo chế độ chuyên trách: Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH; các Quy chế, quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi của Tổng công ty.

3. Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2024 được thực hiện theo quy định hiện hành của Tổng công ty và được tính vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 08

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01-2024/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024)

Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh;

Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thay đổi ĐKKD do điều chỉnh ngành nghề kinh doanh

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU CHỈNH NGÀNH NGHỀ KINH DOANH; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VÀ THAY ĐỔI GIẤY ĐĂNG KÝ KINH DOANH DO ĐIỀU CHỈNH NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh của Tổng công ty CP Vận tải dầu khí do điều chỉnh ngành nghề kinh doanh như sau:

1. Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty với các nội dung như Phụ lục đính kèm.

2. Sửa đổi Điều 4.1 Điều lệ của Tổng công ty do sửa đổi ngành nghề kinh doanh như sau:

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

Kinh doanh vận tải dầu thô, các sản phẩm dầu khí, hóa chất, kinh doanh vận tải hàng rời bằng đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương. Tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí. Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác với các đối tác trong và ngoài nước. Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng hải khác. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng ô tô, bằng đường thuỷ nội địa. Xây dựng công trình giao thông, thuỷ lợi, công nghiệp, dân dụng, dầu khí. Dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt công trình ngầm dầu khí. Dịch vụ sửa chữa đóng mới các công trình dầu khí. Mua bán vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí và vận tải. Dịch vụ sửa chữa tàu biển. ~~**Phá dỡ tàu cũ**~~. Dịch vụ đóng mới tàu biển và các công trình dầu khí (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động của cảng biển, bến tàu, cầu tàu. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản). Dịch vụ quản lý, tư vấn quản lý tàu biển. Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước~~**, cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài,**~~ cung ứng lao động tạm thời, cho thuê lại lao động. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí. Dịch vụ ăn uống khác. Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương -Chi tiết: Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí	5012 (chính)
2	Vận tải hàng hóa thủy nội địa -Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.	5022

STT	Tên ngành	Mã ngành
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên -Chi tiết: Dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt công trình ngầm dầu khí. Dịch vụ sửa chữa, đóng mới các công trình dầu khí.	0910
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: -Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng hải khác; -Dịch vụ giao nhận hàng hóa; -Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; -Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5229
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ -Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	4933
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống trọn gói, dịch vụ ăn uống lưu động cho các hoạt động của ngành dầu khí	5610
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác -Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, dầu khí	4299
8	Dịch vụ ăn uống khác (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5629
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác -Chi tiết: Mua bán vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí và vận tải.	4659
10	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) -Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu biển. ~~Phá dỡ tàu cũ.~~	3315
11	Đóng tàu và cấu kiện nổi -Chi tiết: Dịch vụ đóng mới tàu biển và các công trình dầu khí (không hoạt động tại trụ sở)	3011
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy -Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, bến tàu, cầu tàu. Bốc xếp hàng hóa cảng biển.	5222
13	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác -Chi tiết: Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác với các đối tác khác trong và ngoài nước	7730
15	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu -Chi tiết: Tham gia đào tạo thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí.	8559
16	Cung ứng và quản lý nguồn lao động -Chi tiết: +Tham gia cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí; ~~+Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;~~ -Cho thuê lại lao động (hoạt động sau khi có giấy phép của Bộ LĐTBXH)	7830

STT	Tên ngành	Mã ngành
17	Cung ứng lao động tạm thời	7820
18	**Tư vấn quản lý tàu biển**	**7020**

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị Tổng công ty:

- Ban hành Điều lệ sửa đổi như dự thảo đính kèm.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh phù hợp với Điều lệ sửa đổi.

Phụ lục 8.1
ĐIỀU CHỈNH NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty CP Vận tải dầu khí như sau:

1. Sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Nội dung thay đổi
1	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) - Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu biển.	3315	Bỏ nội dung: "Phá dỡ tàu cũ"
2	Cung ứng và quản lý nguồn lao động - Chi tiết: + Tham gia cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí; - Cho thuê lại lao động (hoạt động sau khi có giấy phép của Bộ LĐTBXH)	7830	Bỏ nội dung: "Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài"

2. Bổ sung mã ngành nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ghi chú
1	Tư vấn quản lý tàu biển	7020	Ngành này đã có trong Điều lệ và chỉ bổ sung mã ngành

3. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty sau khi điều chỉnh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Cung ứng lao động tạm thời	7820
2	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống trọn gói, dịch vụ ăn uống lưu động cho các hoạt động của nghành dầu khí	5610
3	Dịch vụ ăn uống khác (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5629
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng hải khác; - Dịch vụ giao nhận hàng hóa; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5229
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	4933
6	Vận tải hàng hóa thủy nội địa - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.	5022
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, dầu khí	4299
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên - Chi tiết: Dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt công trình ngầm dầu khí. Dịch vụ sửa chữa, đóng mới các công trình dầu khí.	0910

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Mua bán vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí và vận tải.	4659
10	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) - Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu biển.	3315
11	Đóng tàu và cấu kiện nổi - Chi tiết: Dịch vụ đóng mới tàu biển và các công trình dầu khí (không hoạt động tại trụ sở)	3011
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, bến tàu, cầu tàu. Bốc xếp hàng hóa cảng biển.	5222
13	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - Chi tiết: Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác với các đối tác khác trong và ngoài nước	7730
15	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Tham gia đào tạo thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí.	8559
16	Cung ứng và quản lý nguồn lao động - Chi tiết: + Tham gia cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí; - Cho thuê lại lao động (hoạt động sau khi có giấy phép của Bộ LĐTBXH)	7830
17	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương - Chi tiết: Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí	5012 (chính)
18	Tư vấn quản lý tàu biển	7020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
(PV TRANS)

ĐIỀU LỆ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2024

PHẦN MỞ ĐẦU **5**

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ **5**

Điều 1. Giải thích thuật ngữ 5

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY **5**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty 5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty 6

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY **6**

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty 6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty 8

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN **8**

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần 8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 9

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT **9**

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 9

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **10**

Điều 11. Quyền của cổ đông: 10
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 12
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 16. Thay đổi các quyền 16
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 20
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 21
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 23

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **24**

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 24
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 25
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 26

Điều 27. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 28
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị 29
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 29
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 30
Điều 31. Người phụ trách quản trị Tổng công ty 321

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 32

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý 32
Điều 33. Người điều hành Tổng công ty 32
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 33

IX. BAN KIỂM SOÁT 34

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 34
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát 34
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát 35
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 35
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát 36
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 36

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 36

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 37
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 37

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY 38

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 38

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 38

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn 39

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 39

Điều 45. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ 39

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 39

Điều 46. Tài khoản ngân hàng 39
Điều 47. Năm tài chính 40
Điều 48. Chế độ kế toán 40

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 40

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 40
Điều 50. Báo cáo thường niên 41

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY 41

Điều 51. Kiểm toán 41

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 41

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp 41
XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY 41
Điều 53. Giải thể Tổng công ty 41
Điều 54. Thanh lý 41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 42
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ 42
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 42
Điều 56. Điều lệ Tổng công ty 42
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 42
Điều 57. Ngày hiệu lực 42

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01-2024/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày 27/5/2002 theo Quyết định số 358/QĐ-VPCP của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ và quy định nội bộ có liên quan của Tổng công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;

l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh

doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty:

- Tên Tổng công ty: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
- Tên giao dịch quốc tế: PETROVIETNAM TRANSPORTATION CORPORATION
- Tên viết tắt: PV TRANS

2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:

- Địa chỉ: Tầng 2, toà nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 39111301
- Fax: (84-28) 39111300
- Website: www.pvtrans.com
- Email: info@pvtrans.com

4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

Tổng công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

Kinh doanh vận tải dầu thô, các sản phẩm dầu khí, hóa chất, kinh doanh vận tải hàng rời bằng đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương. Vận tải hành khách thủy nội địa, ven biển và viễn dương. Tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí. Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác với các đối tác trong và ngoài nước. Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng hải khác. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng ô tô, bằng đường thuỷ nội địa. Xây dựng công trình giao thông, thuỷ lợi, công nghiệp, dân dụng, dầu khí. Dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt công trình ngầm dầu khí. Dịch vụ sửa chữa đóng mới các công trình dầu khí. Mua bán vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí và vận tải. Dịch vụ sửa chữa tàu biển. Dịch vụ đóng mới tàu biển và các công trình dầu khí (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động của cảng biển, bến tàu, cầu tàu. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản). Dịch vụ quản lý, tư vấn quản lý tàu biển. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, cung ứng lao động tạm thời, cho thuê lại lao động. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt

đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí. Dịch vụ ăn uống khác. Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương -Chi tiết: Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí	5012 (chính)
2	Vận tải hàng hóa thủy nội địa -Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.	5022
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên -Chi tiết: Dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt công trình ngầm dầu khí. Dịch vụ sửa chữa, đóng mới các công trình dầu khí.	0910
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: -Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng hải khác; -Dịch vụ giao nhận hàng hóa; -Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; -Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5229
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ -Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	4933
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống trọn gói, dịch vụ ăn uống lưu động cho các hoạt động của ngành dầu khí	5610
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác -Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, dầu khí	4299
8	Dịch vụ ăn uống khác (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5629
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác -Chi tiết: Mua bán vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí và vận tải.	4659
10	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) -Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu biển.	3315
11	Đóng tàu và cấu kiện nổi -Chi tiết: Dịch vụ đóng mới tàu biển và các công trình dầu khí (không hoạt động tại trụ sở)	3011
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy -Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, bến tàu, cầu tàu. Bốc xếp hàng hóa cảng biển.	5222
13	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác -Chi tiết: Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác với các đối tác khác trong và ngoài nước	7730

STT	Tên ngành	Mã ngành
15	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu -Chi tiết: Tham gia đào tạo thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí.	8559
16	Cung ứng và quản lý nguồn lao động -Chi tiết: +Tham gia cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí; -Cho thuê lại lao động (hoạt động sau khi có giấy phép của Bộ LĐTBXH)	7830
17	Cung ứng lao động tạm thời	7820
18	Tư vấn quản lý tàu biển	7020

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty: Giữ vững vị trí là Tổng công ty vận tải biển và dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất Việt Nam, đồng thời xây dựng phát triển trở thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực và quốc tế. Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác, thương mại và các dịch vụ trong các ngành nghề kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị cho Tổng công ty và cổ đông. Đảm bảo quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

1. Tổng công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề quy định tại Điều lệ này và đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là **3.236.512.460.000 VND.**

(Bằng chữ: Ba ngàn hai trăm ba mươi sáu tỷ năm trăm mười hai triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành **323.651.246 cổ phần** ***(Ba trăm hai mươi ba triệu sáu năm mươi mốt ngàn hai trăm bốn mươi sáu cổ phần)*** với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm **323.651.246 cổ phần phổ thông** ***(Ba trăm hai mươi ba triệu sáu năm mươi mốt ngàn hai trăm bốn mươi sáu cổ phần)***, các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng kí mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Tổng công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản

trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn 2 (hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát.

4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông:

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Tổng công ty và các cổ đông dự họp năm (05) ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 24 và Điều 34 của Điều lệ này.

4. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền, ít nhất 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và

lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Tổng công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Điều 11 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Tổng công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Tổng công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của

Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông hoặc cổ phần của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Tổng công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người

đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều 11 và Khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30)

ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33,0% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin trên phiếu nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu vào mục tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến nghị quyết theo hướng dẫn của ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu sau đó đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy

định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65,0% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty quy định tại Điều 10 Điều lệ này, ngoại trừ cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Tổng công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 2, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên

có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty đối với tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi

thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm

bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

6. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Toà án, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Toà án có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ ngày kết thúc Đại hội.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản

họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có);

g) Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử

vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty đảm bảo quy định sau: có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị năm (05) thành viên; có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Khoản 5, 6 và 7 Điều này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty và được chấp thuận;

c) Thành viên Hội đồng Quản trị mất năng lực hành vi dân sự;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể bầu người

khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, quy định của Tổng công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.

8. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

9. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm của Tổng công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Kiến nghị việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Tổng công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 của Điều lệ này và điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo các quy chế nội bộ của Tổng công ty;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

r) Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với Người điều hành Tổng công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng công ty;

b) Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Tổng công ty.

c) Thành lập công ty con của Tổng công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Tổng công ty.

d) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;

e) Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

f) Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Tổng công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các loại tài sản phi tiền tệ khác;

i.) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j) Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí và căn cứ quy định nội bộ của Tổng công ty. Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị . Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01)

người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết:

a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghi quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị/người được uỷ quyền có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ toạ và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chiu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật liên quan.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT giao. Cơ chế hoạt động của các tiểu ban do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng

công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp

với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ quy định nội bộ của Tổng công ty.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Tổng công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động, người quản lý trong Tổng công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

e) Tuyển dụng lao động;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h) Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

i) Kiến nghị số lượng Người điều hành Tổng công ty mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Tổng công ty và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Tổng công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;

k) Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quy chế nội bộ của Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

6. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên của Tổng công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức bằng văn bản gửi tới Tổng công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên mất năng lực hành vi dân sự;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định ban hành sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50,0% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành

nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ bao gồm quỹ Đầu tư phát triển và các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và

các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Tổng công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Tổng công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành công đoàn Tổng công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ Tổng công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Mục, 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí nhất trí thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.

HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

1. Ông Phạm Việt Anh .....

2. Ông Nguyễn Duyên Hiếu .....

3. Bà Nguyễn Linh Giang .....

4. Ông Nguyễn Đình Thanh .....

5. Ông Hoàng Đức Chính .....

6. Ông Đoàn Đình Thái .....

7. Bà Nguyễn Thị Thu Hường .....